

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

12
C
ÁCH
CH
11F
/

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh báo cáo tài chính	16 - 50

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"), cấp vào ngày 18 tháng 12 năm 2007.

Vào đầu năm 2016, Công ty được mua lại và thuộc sở hữu hoàn toàn của Công ty TNHH Mirae Asset Wealth Management (Hong Kong). Ngày 8 tháng 1 năm 2016, theo Quyết định Số 121/GP-UBCK của UBCKNN, Công ty chuyển đổi hình thức pháp lý từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn và kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam).

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2017, Công ty xin giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK để đổi tên thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam). Các giấy phép của Công ty được sửa đổi như sau:

<i>Giấy phép điều chỉnh số</i>	<i>Nội dung điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
121/GP-UBCK	Thay đổi hình thức pháp lý của Công ty	Ngày 8 tháng 1 năm 2016
09/GPĐC-UBCK	Thay đổi người đại diện theo pháp luật	Ngày 21 tháng 4 năm 2016
12/GPĐC-UBCK	Tăng vốn điều lệ lên 700.000.000.000 đồng	Ngày 24 tháng 5 năm 2016
05/GPĐC-UBCK	Thay đổi tên công ty lần hai	Ngày 8 tháng 2 năm 2017

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Sài Gòn Royal, tầng 7, số 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại tầng 8, toà nhà số 27 phố Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 44 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 31 người).

CHỦ SỞ HỮU VÀ HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Công ty là công ty con thuộc sở hữu toàn phần bởi Công ty TNHH Mirae Asset Wealth Management (HK). Theo đó, Công ty TNHH Mirae Asset Wealth Management (HK) đã có quyết định về việc bổ nhiệm Hội đồng Thành viên của Công ty từ ngày 8 tháng 1 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</i>
Ông Byun Jae Sang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2016
Ông Kang Moon Kyung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2016
Ông Kim Dae Hwan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2016
Ông Woo Young Ki	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2016

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và đến ngày 8 tháng 1 năm 2016 như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007 (*)
Ông Kang Moon Kyung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007 (*)
Ông Woo Young Ki	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015 (*)
Ông Ryu Hyeuk Sun	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015 (*)
Ông Vũ Hoài Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007 (*)

(*) Các thành viên Hội đồng Quản trị này đã bị miễn nhiệm tại ngày 8 tháng 1 năm 2016 theo Quyết định của Công ty Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Ahn Jong Hoon	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007
Ông Nghiêm Thông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Ông Kang Moon Kyung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Woo Young Ki	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Bà Cao Thị Bảo Lê	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2016
Bà Ngô Thanh Thủy	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 21 tháng 4 năm 2016 là ông Woo Young Ki, chức danh Tổng Giám Đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 21 tháng 4 năm 2016 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này là ông Kang Moon Kyung, chức danh Tổng Giám Đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61214809/18608898

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ sở hữu của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) ("Công ty") được lập ngày 23 tháng 3 năm 2017 từ trang 6 đến trang 50, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		574.080.523.514	290.089.114.692
110	I. Tài sản tài chính		572.663.665.946	289.482.286.026
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	152.275.399.965	38.627.883.916
111.1	a. Tiền		2.875.399.965	627.883.916
111.2	b. Các khoản tương đương tiền		149.400.000.000	38.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	44.923.063.896	51.157.555.225
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến đáo hạn (HTM)	7.2	94.000.000.000	110.000.000.000
114	4. Các khoản cho vay	7.3	273.341.333.429	85.082.395.366
115	5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.4	7.800.000.000	-
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.5	(9.613.827.956)	-
117	7. Các khoản phải thu	8	8.579.201.942	4.408.961.112
117.4	a. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		8.579.201.942	4.408.961.112
118	8. Trả trước cho người bán	8	780.861.070	6.091.275
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	150.478.179	73.120.368
122	10. Các khoản phải thu khác	8	427.155.421	126.278.764
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	9	1.416.857.568	606.828.666
131	1. Tạm ứng		9.520.101	111.581.306
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.373.554.348	490.274.649
134	3. Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn		2.200.000	2.200.000
135	4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	16	31.583.119	2.772.711
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		131.698.259.365	7.579.080.609
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		122.872.618.000	572.618.000
212	1. Các khoản phải thu dài hạn		122.300.000.000	-
212.1	a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.2	122.300.000.000	-
212.4	2. Đầu tư dài hạn khác		572.618.000	572.618.000
220	II. Tài sản cố định		2.156.504.469	2.518.485.538
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.681.444.633	1.165.073.143
222	a. Nguyên giá		10.412.911.156	13.403.322.242
223a	b. Giá trị khấu hao lũy kế		(8.731.466.523)	(12.238.249.099)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	475.059.836	1.353.412.395
228	a. Nguyên giá		8.229.447.240	7.729.384.240
229a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(7.754.387.404)	(6.375.971.845)
240	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	911.111.111	-
250	IV. Tài sản dài hạn khác		5.758.025.785	4.487.977.071
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		821.618.290	735.681.327
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.921.253.020	1.645.325.640
253	3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	23.3	718.739.209	-
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	2.296.415.266	2.106.970.104
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		705.778.782.879	297.668.195.301

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		24.815.951.962	37.566.028.066
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		24.815.951.962	37.566.028.066
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		21.300.000.000	34.300.000.000
312	a. Vay ngắn hạn	15	21.300.000.000	34.300.000.000
322	2. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	16	648.678.874	215.233.054
324	3. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		18.164.000	41.754.000
325	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.425.328.314	2.138.489.928
329	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		388.404.532	823.184.175
330	6. Dự phòng phải trả		35.376.242	47.366.909
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		680.962.830.917	260.102.167.235
410	I. Vốn chủ sở hữu		680.962.830.917	260.102.167.235
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		700.000.000.000	300.000.000.000
411.1	a. Vốn góp của chủ sở hữu	18.1	700.000.000.000	300.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		11.875.117	11.875.117
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		11.875.117	11.875.117
417	4. Lỗ lũy kế	18.2	(19.060.919.317)	(39.921.582.999)
417.1	a. Lỗ lũy kế đã thực hiện		(34.298.753.066)	(49.472.076.839)
417.2	b. Lợi nhuận chưa thực hiện		15.237.833.749	9.550.493.840
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		705.778.782.879	297.668.195.301

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	Ngoại tệ các loại (Số lượng) Đồng USD		23 23	23 23
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("TTLKCK") của Công ty	19.1	4.516.820.000	7.526.710.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Công ty	19.2	3.350.000	1.880.000
013	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công ty	19.3	270.000	170.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Nhà đầu tư	19.4	10.771.040.250.000	9.589.999.100.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		10.755.150.250.000	9.585.612.100.000
	- Cổ phiếu		2.105.508.950.000	1.095.970.800.000
	- Trái phiếu		8.649.641.300.000	8.489.641.300.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		170.000.000	151.000.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		-	45.000.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		15.720.000.000	4.191.000.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	19.5	3.595.470.000	2.272.890.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		3.595.470.000	2.221.790.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		-	51.100.000
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	19.6	16.455.330.000	280.320.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	Tiền gửi của khách hàng	19.7	44.382.597.217	57.913.871.911
027	Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán		37.535.042.717	35.245.415.911
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		6.847.554.500	22.668.456.000
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	19.8	44.382.597.217	57.913.871.911
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		16.959.218.234	34.521.174.320
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		27.423.378.983	23.392.697.591

Người lập bảng:



Bà Nguyễn Hồng Quyền
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
20	I. Doanh thu hoạt động		68.771.074.551	36.280.689.395
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		10.037.017.793	12.055.369.608
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	20.1	2.167.251.798	2.520.000
01.2	b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	20.2	5.877.566.125	10.530.322.667
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	20.3	1.992.199.870	1.522.526.941
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	20.3	19.627.605.571	11.366.044.967
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	20.3	19.674.024.472	5.289.343.065
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	20.4	13.923.091.173	6.922.891.320
07	5. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	20.4	434.000.000	147.108.866
08	6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	20.4	4.332.240.263	-
09	7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	20.4	743.095.279	499.931.569
40	II. Chi phí hoạt động		(31.835.651.089)	(16.068.546.506)
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(799.969.626)	(1.019.869.882)
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	20.1	(609.743.410)	(24.300.000)
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	20.2	(190.226.216)	(995.569.882)
23	2. Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu	20.2	(9.613.827.956)	-
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	21	(20.261.092.070)	(14.277.125.136)
28	4. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		(114.545.455)	-
30	5. Chi phí dịch vụ lưu ký chứng khoán		(1.046.215.982)	(771.551.488)
50	III. Doanh thu hoạt động tài chính		269.841.681	184.807.481
41	1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	9.966
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong năm		269.841.681	8.045.407
44	3. Doanh thu khác về đầu tư		-	176.752.108
	IV. Chi phí tài chính		(1.950.312.348)	(223.484.751)
51	1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(110.673)	-
52	2. Chi phí lãi vay		(1.950.201.675)	(223.484.751)
62	V. Chi phí quản lý	22	(15.349.382.492)	(15.565.811.900)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
70	VI. Kết quả hoạt động		19.905.570.303	4.607.653.719
80	VII. Thu nhập khác và chi phí khác		236.354.170	(3.072.901)
71	1. Thu nhập khác		253.939.827	18.028
72	2. Chi phí khác		(17.585.657)	(3.090.929)
90	VIII. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.141.924.473	4.604.580.818
91	1. Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		14.454.584.564	(4.930.171.967)
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		5.687.339.909	9.534.752.785
100	IX. Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	23	718.739.209	-
100.1	1. Chi phí thuế hiện hành		-	-
100.2	2. Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		718.739.209	-
200	X. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN		20.860.663.682	4.604.580.818

Người lập bảng:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		20.141.924.473	4.604.580.818
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		4.863.354.558	(1.682.120.339)
03	Khấu hao tài sản cố định	10,11	1.907.426.869	2.503.356.022
04	Các khoản trích lập dự phòng	7.5	9.613.827.956	-
06	Chi phí lãi vay		1.950.201.675	223.484.751
07	Lãi từ hoạt động đầu tư (lãi từ thanh lý TSCĐ)		(28.900.000)	-
08	Dự thu tiền lãi	8	(8.579.201.942)	(4.408.961.112)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		190.226.216	995.569.882
11	Lỗi đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	20.2	190.226.216	995.569.882
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(5.877.566.125)	(10.530.322.667)
19	Lãi đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	20.2	(5.877.566.125)	(10.530.322.667)
30	5. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(290.242.766.162)	(71.109.560.768)
31	Giảm/(tăng) tài sản tài chính FVTPL		11.921.831.238	(41.401.318.427)
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		(106.300.000.000)	22.300.000.000
33	Tăng các khoản cho vay		(188.258.938.063)	(59.421.215.305)
34	Tăng tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(7.800.000.000)	-
36	Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC		4.408.961.112	6.916.051.597
37	(Tăng)/giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(77.357.811)	13.758.640
39	(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(1.075.646.452)	69.740.012
40	Tăng các tài sản khác		(12.686.166)	(22.851.970)
41	Tăng chi phí phải trả không bao gồm chi phí lãi vay		286.838.386	804.063.214
42	Giảm chi phí trả trước		(1.159.207.079)	(36.949.722)
44	Lãi vay đã trả		(1.950.201.675)	(223.484.751)
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(23.590.000)	(135.250.249)
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		433.445.820	(192.035.904)
50	(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác		(636.215.472)	219.932.097
60	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(270.924.827.040)	(77.721.853.074)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	10,11,12	(2.456.556.911)	(928.186.776)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		28.900.000	-
70	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.427.656.911)	(928.186.776)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	1. Tiền nhận từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	18.1	400.000.000.000	-
73	2. Tiền vay gốc	15	796.193.757.542	192.003.000.000
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay	15	(809.193.757.542)	(157.703.000.000)
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		387.000.000.000	34.300.000.000
90	TẶNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		113.647.516.049	(44.350.039.850)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	38.627.883.916	82.977.923.766
101.1	Tiền		627.883.916	2.875.423.766
101.2	Các khoản tương đương tiền		38.000.000.000	80.102.500.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	152.275.399.965	38.627.883.916
103.1	Tiền		2.875.399.965	627.883.916
103.2	Các khoản tương đương tiền		149.400.000.000	38.000.000.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03b-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
01	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
02	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		3.572.820.799.500	1.814.939.925.000
07	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(3.823.477.690.300)	(3.208.790.442.054)
	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		2.122.405.384.504	2.497.512.772.373
	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(3.849.502.969.927)	(3.118.818.320.197)
	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.964.223.201.529	2.034.644.356.901
20	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		(13.531.274.694)	19.488.292.023
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	19.7	57.913.871.911	38.425.579.888
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:			
32	1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		35.245.415.911	9.749.533.000
33	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		22.668.456.000	28.676.046.888
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	19.7	44.382.597.217	57.913.871.911
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:			
42	1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		37.535.042.717	35.245.415.911
43	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		6.847.554.500	22.668.456.000

Người lập bảng:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

B04-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm			Số dư cuối năm	
		Ngày 1/1/2015 VND	Ngày 1/1/2016 VND	Năm trước		Năm nay	Ngày 31/12/2015 VND	Ngày 31/12/2016 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND		
BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.1	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	400.000.000.000	300.000.000.000	700.000.000.000
- Vốn pháp định		300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
- Vốn bổ sung		-	-	-	-	400.000.000.000	-	400.000.000.000
Quỹ dự trữ vốn điều lệ		11.875.117	11.875.117	-	-	-	11.875.117	11.875.117
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		11.875.117	11.875.117	-	-	-	11.875.117	11.875.117
Lỗi lũy kế	18.2	(44.526.163.817)	(39.921.582.999)	4.604.580.818	-	20.860.663.682	(39.921.582.999)	(19.060.919.317)
- Lỗi lũy kế đã thực hiện		(44.541.904.872)	(49.472.076.839)	(4.930.171.967)	-	15.173.323.773	(49.472.076.839)	(34.298.753.066)
- Lợi nhuận chưa thực hiện		15.741.055	9.550.493.840	9.534.752.785	-	5.687.339.909	9.550.493.840	15.237.833.749
TỔNG CỘNG		255.497.586.417	260.102.167.235	4.604.580.818	-	420.860.663.682	260.102.167.235	680.962.830.917

Người lập bảng:

Người kiểm soát:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán Trưởng

Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"), cấp vào ngày 18 tháng 12 năm 2007.

Vào đầu năm 2016, Công ty được mua lại và thuộc sở hữu hoàn toàn của Công ty TNHH Mirae Asset Wealth Management (Hồng Kông). Ngày 8 tháng 1 năm 2016, theo Quyết định Số 121/GP-UBCK của UBCKNN, Công ty chuyển đổi hình thức pháp lý từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn và kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam).

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2017, Công ty xin giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK để đổi tên thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam). Các giấy phép của Công ty được sửa đổi như sau:

<i>Giấy phép điều chỉnh số</i>	<i>Nội dung điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
121/GP-UBCK	Thay đổi hình thức pháp lý của Công ty	Ngày 8 tháng 1 năm 2016
09/GPĐC-UBCK	Thay đổi người đại diện theo pháp luật	Ngày 21 tháng 4 năm 2016
12/GPĐC-UBCK	Tăng vốn điều lệ lên 700.000.000.000 đồng	Ngày 24 tháng 5 năm 2016
05/GPĐC-UBCK	Thay đổi tên công ty lần hai	Ngày 8 tháng 2 năm 2017

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Sài Gòn Royal, tầng 7, số 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại tầng 8, toà nhà số 27 phố Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 44 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 31 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Tổng giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Theo đó, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ("Thông tư 210"). Thông tư này thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 334").

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Những thay đổi quan trọng do áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 bao gồm:

- Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán được đổi tên thành báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.
- Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.

Ngoài ra, Thông tư 210 và Thông tư 334 cũng hướng dẫn việc đo lường các tài sản tài chính, theo đó tất cả các tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu như sau:

- Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và chênh lệch đánh giá lại phát sinh sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản tài chính FVTPL trên Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty.
- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ một tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (Thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS.
- Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM): được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.
- Các khoản cho vay: được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Thông tư 210 và Thông tư 334 được áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016.

Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại *Thuyết minh 26*.

4.2 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới"). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty chứng khoán.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý. Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo hoạt động ngay khi phát sinh.

4.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp theo)

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

4.6 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- ▶ Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- ▶ Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- ▶ Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

4.7 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được theo dõi tiếp tục ghi nhận theo giá trị hợp lý.

4.8 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính AFS và HTM

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay".

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính (tiếp theo)

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó.

4.9 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động - Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý.

4.11 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí quản lý*" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

4.13 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

4.14 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	4 năm
Thiết bị văn phòng	4 năm
Phần mềm	3 - 4 năm

4.15 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo kết quả hoạt động và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ 1 đến 38 năm vào báo cáo kết quả hoạt động.

- ▶ Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf;
- ▶ Chi phí bảo trì hệ thống, sửa chữa văn phòng;
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng;
- ▶ Các loại chi phí khác.

4.17 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi các khoản vay và chi phí liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.18 Các khoản vay

Các khoản vay được được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích vào Báo cáo kết quả hoạt động.

4.19 Lợi ích của nhân viên

4.19.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

4.19.2 Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc là tiền lương theo hợp đồng lao động, được tính bình quân của sáu tháng liền kề của người lao động trước khi thôi việc.

4.19.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.21 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu phản ánh khoản vốn đã góp của chủ sở hữu theo Điều lệ của Công ty.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty ngoài các khoản lãi/lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>	<i>Mục đích</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ	Bổ sung vốn điều lệ, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ	Bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh

Các quỹ khác được trích lập theo Quyết định của Chủ sở hữu Công ty phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

4.24 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền	2.875.399.965	627.883.916
- Tiền mặt tại quỹ	5.158.000	5.254.500
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	2.867.525.998	620.759.734
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	2.715.967	1.869.682
Các khoản tương đương tiền	149.400.000.000	38.000.000.000
	152.275.399.965	38.627.883.916

Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng của Công ty ở các ngân hàng thương mại hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, có lãi suất từ 4,0% đến 5,5% một năm.

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
Của Công ty	420.433	14.440.201.600
- Cổ phiếu	420.433	14.440.201.600
Của nhà đầu tư	564.373.770	10.812.066.332.900
- Cổ phiếu	534.715.710	7.670.711.122.900
- Trái phiếu	29.570.000	3.140.469.570.000
- Chứng khoán khác	88.060	885.640.000
	564.794.203	10.826.506.534.500

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết				
VNM	21.888.636.999	37.300.185.600	21.887.870.199	31.676.800.000
MSN	5.934.500.000	4.795.200.000	5.934.500.000	5.735.000.000
BIC	1.691.120.195	2.614.780.000	1.589.339.000	1.272.985.000
Khác	170.972.953	212.898.296	12.195.352.186	12.472.770.225
	29.685.230.147	44.923.063.896	41.607.061.385	51.157.555.225

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm (*)	94.000.000.000	110.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn trên 1 năm (**)	122.300.000.000	-
	216.300.000.000	110.000.000.000

(*) Các khoản tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm có lãi suất từ 5,90% đến 6,60% một năm.

(**) Các khoản tiền gửi kỳ hạn trên 1 năm có lãi suất từ 7,10% đến 7,50% một năm.

7.3 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay hoạt động:				
Giao dịch ký quỹ (*)	258.401.630.768	248.787.802.812	77.449.191.733	77.449.191.733
Ứng trước (**)	14.939.702.661	14.939.702.661	7.633.203.633	7.633.203.633
	273.341.333.429	263.727.505.473	85.082.395.366	85.082.395.366

(*) Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ trong năm có lãi suất từ 9,90% đến 14,00% một năm.

(**) Cho vay hoạt động ứng trước trong năm có lãi suất từ 8,88% đến 12,00% một năm.

7.4 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty cổ phần Seoul Metal Việt Nam	7.800.000.000	-

Công ty cổ phần Seoul Metal Việt Nam là một công ty được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam với Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 2300323118, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 19 tháng 2 năm 2008. Các hoạt động chính của Seoul Metal Việt Nam bao gồm sản xuất và kinh doanh linh kiện điện tử. Đầu tư của Công ty chiếm 2,66% trong tổng vốn điều lệ của Seoul Metal Việt Nam. Tại ngày báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định bằng giá trị ghi sổ do không xác định được giá trị thị trường.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.5 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản cho vay ký quỹ	9.613.827.956	-

Chi tiết các TSTC hạch toán theo phương pháp giá gốc và dự phòng giảm giá các TSTC như sau:

Loại TSTC	Giá sổ sách kế toán VND	Giá trị hợp lý tại thời điểm lập BCTC VND	Giá trị lập dự phòng năm nay VND	Giá trị lập dự phòng năm trước VND	Mức trích lập năm nay VND
HTM	216.300.000.000	216.300.000.000	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	216.300.000.000	216.300.000.000	-	-	-
Cho vay	273.341.333.429	263.727.505.473	(9.613.827.956)	-	9.613.827.956
Cho vay ký quỹ	258.401.630.768	248.787.802.812	(9.613.827.956)	-	9.613.827.956
Ứng trước	14.939.702.661	14.939.702.661	-	-	-
AFS (cổ phiếu)	7.800.000.000	7.800.000.000	-	-	-
SMV (300.000 cổ phiếu)	7.800.000.000	7.800.000.000	-	-	-
	497.441.333.429	487.827.505.473	(9.613.827.956)	-	9.613.827.956

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi dự thu tiền gửi	8.579.201.942	4.408.961.112
Trả trước cho người bán	780.861.070	6.091.275
Phải thu khác	427.155.421	126.278.764
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	150.478.179	73.120.368
	9.937.696.612	4.614.451.519

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.373.554.348	490.274.649
- Chi phí trả trước về phúc lợi nhân viên	834.505.000	-
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động	405.360.000	380.350.880
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	133.689.348	109.923.769
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	31.583.119	2.772.711
Tạm ứng cho nhân viên	9.520.101	111.581.306
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.200.000	2.200.000
	1.416.857.568	606.828.666

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.455.869.359	8.947.452.883	13.403.322.242
Mua trong năm	-	1.045.382.800	1.045.382.800
Thanh lý, nhượng bán	(3.561.069.359)	(474.724.527)	(4.035.793.886)
Số dư cuối năm	894.800.000	9.518.111.156	10.412.911.156
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	4.455.869.359	7.782.379.740	12.238.249.099
Khấu hao trong năm	-	529.011.310	529.011.310
Thanh lý, nhượng bán	(3.561.069.359)	(474.724.527)	(4.035.793.886)
Số dư cuối năm	894.800.000	7.836.666.523	8.731.466.523
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	1.165.073.143	1.165.073.143
Số dư cuối năm	-	1.681.444.633	1.681.444.633

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.934.310.478	10.298.352.673

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm VND</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	7.729.384.240
Mua trong năm	500.063.000
Số dư cuối năm	8.229.447.240
Hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.375.971.845
Hao mòn trong năm	1.378.415.559
Số dư cuối năm	7.754.387.404
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.353.412.395
Số dư cuối năm	475.059.836

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.729.384.240	1.872.197.689

12. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phần mềm hỗ trợ giao dịch	911.111.111	-

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phí hội viên câu lạc bộ golf	987.591.690	1.018.778.716
Chi phí bảo trì hệ thống, sửa chữa văn phòng	891.716.063	436.084.688
Chi phí vật dụng văn phòng	41.945.267	190.462.236
	1.921.253.020	1.645.325.640

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nợ Quỹ Hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.053.654.932	1.901.273.259
Tiền lãi phân bổ trong năm	122.760.334	85.696.845
	2.296.415.266	2.106.970.104

15. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Vay ngắn hạn	34.300.000.000	796.193.757.542	809.193.757.542	21.300.000.000

Các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có lãi suất từ 5,30%.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) cán bộ nhân viên	342.526.637	79.273.657
Thuế TNCN - giao dịch chứng khoán	197.159.685	132.873.772
Các loại thuế khác (thuế nhà thầu)	70.106.239	1.117.884
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	38.886.313	1.967.741
	648.678.874	215.233.054

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước:

Chi tiêu	(Tạm ứng)/ Phải trả đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	(Tạm ứng)/ Phải trả cuối năm VND
I - Thuế - Phải trả				
Thuế TNCN nộp hộ nhà đầu tư	79.273.657	2.406.958.823	(2.143.705.843)	342.526.637
Thuế TNCN cán bộ nhân viên	132.873.772	1.496.029.387	(1.431.743.474)	197.159.685
Thuế nhà thầu	1.117.884	962.525.247	(893.536.892)	70.106.239
Thuế khác	1.967.741	415.221.665	(378.303.093)	38.886.313
	215.233.054	5.280.735.122	(4.847.289.302)	648.678.874
II - Thuế - Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	(2.772.711)	-	(28.810.408)	(31.583.119)
	(2.772.711)	-	(28.810.408)	(31.583.119)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả lương tháng 13	1.234.828.000	1.429.387.442
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	383.594.847	231.824.107
Phải trả hoa hồng môi giới	369.913.230	94.474.875
Phí chuyên môn	210.459.096	217.656.623
Chi phí phải trả khác	226.533.141	165.146.881
	2.425.328.314	2.138.489.928

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty mẹ trực tiếp của Công ty là Công ty TNHH Mirae Asset Wealth Management (HK). Công ty mẹ cấp trung gian là Công ty TNHH Mirae Asset Securities và công ty mẹ cấp cao nhất là Công ty TNHH Mirae Asset Capital, được thành lập lần lượt tại Hồng Kông và Hàn Quốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty TNHH Mirae Asset Wealth Management (HK) đã hoàn tất việc mua lại toàn bộ cổ phần từ các cổ đông Việt Nam hiện hữu của Công ty.

Ngày 8 tháng 1 năm 2016, theo Quyết định 121/GP-UBCK của Ủy ban chứng khoán - Bộ tài chính, quyết định chấm dứt hoạt động của Công ty Cổ phần chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) và cấp phép thành lập Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tiếp theo)

Công ty chuyển từ hình thức công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn và được sở hữu toàn phần bởi Công ty Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited. Ngày 8 tháng 2 năm 2017, Công ty xin giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK để đổi tên thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam).

Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	Số vốn theo giấy phép thành lập và hoạt động VND	Số vốn điều lệ đã góp VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Số dư đầu năm	300.000.000.000	300.000.000.000
Tăng vốn trong năm	400.000.000.000	400.000.000.000
Số dư cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000

Đến ngày 24 tháng 5 năm 2016, Công ty đã hoàn chỉnh việc điều chỉnh giấy phép thành lập số 12/GPĐC-UBCK và điều lệ Công ty, trong đó điều chỉnh Vốn điều lệ mới là 700 tỷ đồng.

18.2 Lỗ lũy kế

Lỗ lũy kế bao gồm:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lỗ lũy kế đã thực hiện	(34.298.753.066)	(49.472.076.839)
Lợi nhuận chưa thực hiện	15.237.833.749	9.550.493.840
	(19.060.919.317)	(39.921.582.999)

19. CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

19.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng (mệnh giá)	4.516.820.000	7.526.710.000

19.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng (mệnh giá)	3.350.000	1.880.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.3. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công ty

Tài sản tài chính	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu (mệnh giá)	270.000	170.000

19.4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	10.755.150.250.000	9.585.612.100.000
- Cổ phiếu	2.105.508.950.000	1.095.970.800.000
- Trái phiếu	8.649.641.300.000	8.489.641.300.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	170.000.000	151.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	-	45.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	15.720.000.000	4.191.000.000
	10.771.040.250.000	9.589.999.100.000

19.5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	3.595.470.000	2.221.790.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	-	51.100.000
	3.595.470.000	2.272.890.000

19.6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	16.455.330.000	280.320.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.7 Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của khách hàng		
Tiền gửi của khách hàng về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	37.535.042.717	35.245.415.911
- Tiền gửi của khách hàng trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	11.711.103.734	12.390.942.320
- Tiền gửi của khách hàng nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.823.938.983	22.854.473.591
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	6.847.554.500	22.668.456.000
	44.382.597.217	57.913.871.911

19.8 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư		
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	37.535.042.717	35.245.415.911
- Của Nhà đầu tư trong nước	11.711.103.734	12.390.942.320
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	25.823.938.983	22.854.473.591
Phải trả Nhà đầu tư về thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	6.847.554.500	22.668.456.000
- Của Nhà đầu tư trong nước	5.248.114.500	22.130.232.000
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	1.599.440.000	538.224.000
	44.382.597.217	57.913.871.911

19.9. Phải trả của nhà đầu tư về dịch vụ cho Công ty

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Phải trả phí lưu ký chứng khoán (Thuyết minh 8)	150.478.179	73.120.368

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. LÃI TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

20.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND	Lỗ bán chứng khoán năm trước VND
Cổ phiếu niêm yết							
FPT	163.506	44.830	7.456.744.100	6.197.920.650	1.258.823.450	-	-
MWG	15.500	135.163	2.103.350.000	1.244.000.000	859.350.000	-	-
REE	148.073	20.320	3.051.700.250	3.644.414.260	-	(592.714.010)	-
Khác	67.027		1.036.781.576	1.004.732.628	49.078.348	(17.029.400)	(21.780.000)
	394.106		13.648.575.926	12.091.067.538	2.167.251.798	(609.743.410)	(21.780.000)

20.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay VND
FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết	29.685.230.147	44.923.063.896	15.237.833.749	9.550.493.840	5.687.339.909
	29.685.230.147	44.923.063.896	15.237.833.749	9.550.493.840	5.687.339.909
Trong đó:					
Chênh lệch đánh giá tăng			-	-	5.877.566.125
Chênh lệch đánh giá giảm					(190.226.216)
HTM	216.300.000.000	216.300.000.000	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	273.341.333.429	263.727.505.473	(9.613.827.956)	-	(9.613.827.956)
AFS	7.800.000.000	7.800.000.000	-	-	-
	527.126.563.576	532.750.569.369	5.624.005.793	9.550.493.840	(3.926.488.047)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. LÃI TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính HTM	19.627.605.571	11.366.044.967
- Doanh thu tiền gửi có kỳ hạn	19.627.605.571	11.366.044.967
Từ các khoản cho vay và phải thu	19.674.024.472	5.289.343.065
- Doanh thu từ dịch vụ ứng trước	1.082.857.658	630.824.377
- Doanh thu từ dịch vụ ký quỹ	18.591.166.814	4.658.518.688
Từ tài sản tài chính FVTPL	1.992.199.870	1.522.526.941
- Doanh thu cổ tức	1.992.199.870	1.522.526.941
	41.293.829.913	18.177.914.973

20.4. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	13.923.091.173	6.922.891.320
- Từ môi giới cho khách hàng	9.480.508.224	3.895.369.686
- Từ môi giới tài khoản Quỹ	4.333.428.754	3.027.521.634
- Từ sửa lỗi giao dịch	109.154.195	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	434.000.000	147.108.866
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	4.332.240.263	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	743.095.279	499.931.569
	19.432.426.715	7.569.931.755

21. CHI PHÍ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên môi giới	8.092.930.140	5.919.466.598
- Lương và các khoản phúc lợi	7.434.265.139	5.409.991.098
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	658.665.001	509.475.500
Chi phí giao dịch chứng khoán	3.019.197.076	1.803.087.772
Hoa hồng theo doanh số	2.803.015.580	224.106.986
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.488.826.950	1.992.213.974
Máy tính và các chi phí liên quan	1.397.849.002	1.343.083.016
Chi phí thuê văn phòng	1.187.542.388	1.242.100.362
Chi phí khác	2.271.730.934	1.753.066.428
	20.261.092.070	14.277.125.136

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.575.673.921	8.333.977.627
- Lương và các khoản phúc lợi	7.233.433.921	7.976.355.127
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	342.240.000	357.622.500
Chi phí tư vấn	1.961.122.498	932.279.114
Chi phí thuê văn phòng	1.711.442.531	1.622.537.280
Chi phí điện và dịch vụ internet	699.984.563	678.425.889
Chi phí xe ô tô	658.113.569	894.051.091
Chi phí thuế, phí và lệ phí	511.912.255	421.795.730
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	418.599.919	511.142.048
Chi phí lễ tân khánh tiết	539.924.745	565.241.262
Công tác phí	318.775.395	569.570.290
Chi phí máy vi tính và các chi phí liên quan	346.863.293	348.941.649
Chi phí văn phòng phẩm	37.460.489	115.293.154
Chi phí khác	569.509.314	572.556.766
	15.349.382.492	15.565.811.900

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.141.924.473	4.604.580.818
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(4.028.384.895)	(920.916.164)
Các khoản điều chỉnh tăng:	(75.318.639)	(70.860.384)
- Chi phí không được khấu trừ thuế khác	(75.318.639)	(70.860.384)
Các khoản điều chỉnh giảm	1.573.953.199	2.211.455.945
- Thu nhập từ cổ tức không nộp thuế TNDN	398.439.974	304.505.388
- Chênh lệch đánh giá lại Tài sản FVTPL	1.175.513.225	1.906.950.557
Lỗ năm trước chuyển sang	2.529.750.335	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	-
Lợi ích thuế hoãn lại	4.003.465.178	-
Chi phí thuế hoãn lại	(3.284.725.969)	-
Lợi ích thuế TNDN	718.739.209	-

Chuyển lỗ

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 20.017.325.892 đồng (31 tháng 12 năm 2015: 32.666.077.563 đồng) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Chuyển lỗ (tiếp theo)

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế VND	Tổng chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
2011	2016	8.167.713.672	(8.167.713.672)	-
2013	2018	13.767.132.405	(4.481.037.999)	9.286.094.406
2014	2019	4.632.834.500	-	4.632.834.500
2015	2020	6.098.396.986	-	6.098.396.986
		32.666.077.563	(12.648.751.671)	20.017.325.892

Theo đó, Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.003.465.178 đồng theo mức thuế suất năm 2017 là 20%.

23.1 Thuế TNDN hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

23.2 Thuế TNDN hoãn lại

	Báo cáo tình hình tài chính		Báo cáo kết quả hoạt động	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
- Các khoản chuyển lỗ	4.003.465.178	-	4.003.465.178	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
- Chênh lệch đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	(3.284.725.969)	-	(3.284.725.969)	-
Tài sản thu nhập hoãn lại thuần	718.739.209	-		
Thuế thu nhập hoãn lại thuần tính vào kết quả kinh doanh			718.739.209	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited	Công ty mẹ	Góp vốn đầu tư	400.000.000.000	-
Công ty Mirae Asset Securities Co., Ltd	Công ty mẹ trung gian	Doanh thu môi giới chứng khoán	677.949.531	29.100.052
Công ty Mirae Asset Global Investment	Công ty liên quan	Doanh thu môi giới chứng khoán	484.562.546	420.656.103
Công ty Mirae Asset Exim Investment Limited	Công ty liên quan	Doanh thu lưu ký chứng khoán	272.578.573	271.837.707
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (VN)	Công ty liên quan	Chi hộ	63.264.320	219.167.825
Tổng Giám đốc	Ban điều hành	Lương và lợi ích khác	2.202.775.516	2.314.315.143

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (VN)	Công ty liên quan	Chi hộ	104.607.952	41.343.632

24.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Đến 1 năm	2.950.841.300	720.427.047
Từ 1 - 5 năm	4.154.560.300	-
	7.105.401.600	720.427.047

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vì đa phần các khoản tiền gửi, cho vay và vay trong năm có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty) và các khoản đầu tư vào các công ty con ở nước ngoài.

Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không có do Công ty không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng thành viên của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 44.923.063.896 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 51.157.555.225 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 4.492.306.390 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.115.755.522 VND), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 4.492.306.390 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.115.755.522 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh 7.2*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ trước khi ký kết các hợp đồng margin và ứng trước cho khách hàng, cũng như định năm kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh 7.5* là các khoản vay giao dịch ký quỹ bị vi phạm tỷ lệ ký quỹ duy trì tối thiểu của Công ty, Tổng giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Tổng cộng VND	Bị suy giảm giá trị VND	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND
Các khoản cho vay	273.341.333.429	13.472.275.456	259.869.057.973	-

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở được chiết khấu:

	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31 tháng 12 năm 2016				
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	94.000.000.000	122.300.000.000	216.300.000.000
Các khoản cho vay - gộp	-	273.341.333.429	-	273.341.333.429
Tài sản tài chính khác	-	9.089.675.539	641.518.290	9.731.193.829
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	150.478.179	-	150.478.179
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	182.300.000	641.518.290	823.818.290
- Phải thu khác	-	8.756.897.360	-	8.756.897.360
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.875.399.965	149.400.000.000	-	152.275.399.965
	2.875.399.965	525.831.008.968	122.941.518.290	651.647.927.223
NỢ TÀI CHÍNH				
Vay và nợ ngắn hạn	-	21.300.000.000	-	21.300.000.000
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	257.158.811	-	257.158.811
Phải trả, phải nộp khác	-	648.832.753	-	648.832.753
	-	22.205.991.564	-	22.205.991.564
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	2.875.399.965	503.625.017.404	122.941.518.290	629.441.935.659

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có khoản tiền gửi có kỳ hạn tại một ngân hàng đối tác có giá trị 21.300.000.000 đồng là tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

26. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo Thông tư 210 và Thông tư 334, một số khoản mục tương ứng trên Báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của năm này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

a) Trích từ Báo cáo tình hình tài chính

TÀI SẢN	Số dư đầu năm (số liệu đã trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Số dư đầu năm (trình bày lại) VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền			
1. Tiền (***)	58.541.755.827	(57.913.871.911)	627.883.916
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1. Đầu tư ngắn hạn (**)	161.157.555.225	(161.157.555.225)	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) (*)	-	51.157.555.225	51.157.555.225
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (*)	-	110.000.000.000	110.000.000.000
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (**)	85.155.515.734	(85.155.515.734)	-
5. Các khoản phải thu khác	4.535.239.876	(4.408.961.112)	126.278.764
6. Các khoản cho vay (*)	-	85.082.395.366	85.082.395.366
7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp (*)	-	73.120.368	73.120.368
8. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính (*)	-	4.408.961.112	4.408.961.112
III. Tài sản ngắn hạn khác			
1. Tài sản ngắn hạn khác	113.781.306	(113.781.306)	-
2. Tạm ứng (*)	-	111.581.306	111.581.306
3. Cầm cố, ký quỹ, ký cược (*)	-	2.200.000	2.200.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			
I. Tài sản dài hạn khác			
1. Tài sản dài hạn khác (**)	735.681.327	(735.681.327)	-
2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	-	735.681.327	735.681.327
TỔNG TÀI SẢN	355.582.067.212	(57.913.871.911)	297.668.195.301
A. NỢ PHẢI TRẢ			
I. Nợ ngắn hạn			
1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (**)	57.913.871.911	(57.913.871.911)	-
TỔNG NGUỒN VỐN	355.582.067.212	(57.913.871.911)	297.668.195.301

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(**) Các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(***) Điều chỉnh tiền gửi của nhà đầu tư theo dõi ngoại bảng

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

b) Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm (số liệu đã trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Số dư đầu năm (trình bày lại) VND
1. Doanh thu			
<i>Trong đó:</i>			
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán (**)	6.922.891.320	(6.922.891.320)	-
- Doanh thu môi giới chứng khoán	-	6.922.891.320	6.922.891.320
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (**)	13.785.111.836	(13.785.111.836)	-
- Doanh thu khác (**)	16.840.195.513	(16.840.195.513)	-
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (*)	-	2.520.000	2.520.000
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ (*)	-	10.530.322.667	10.530.322.667
- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính PVTPL (*)	-	1.522.526.941	1.522.526.941
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (*)	-	11.366.044.967	11.366.044.967
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (*)	-	5.289.343.065	5.289.343.065
- Doanh thu tư vấn	147.108.866	(147.108.866)	-
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	147.108.866	147.108.866
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	499.931.569	(499.931.569)	-
- Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	-	499.931.569	499.931.569
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện (*)	-	9.966	9.966
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm (*)	-	8.045.407	8.045.407
- Doanh thu khác về đầu tư (*)	-	176.752.108	176.752.108
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (**)	38.195.239.104	(38.195.239.104)	-
3. Doanh thu hoạt động (*)	-	36.280.689.395	36.280.689.395

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo thu nhập toàn diện theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(**) Các chỉ tiêu của Báo cáo thu nhập toàn diện không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

b) Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm (số liệu đã trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Số dư đầu năm (trình bày lại) VND
4. Chi phí hoạt động kinh doanh (**)	(18.021.773.485)	18.021.773.485	-
Trong đó:			
- Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (*)	-	(24.300.000)	(24.300.000)
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (*)	-	(995.569.882)	(995.569.882)
- Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu (*)	-	(223.484.751)	(223.484.751)
- Chi phí môi giới chứng khoán (*)	-	(14.277.125.136)	(14.277.125.136)
- Chi phí lưu ký chứng khoán (*)	-	(771.551.488)	(771.551.488)
- Doanh thu hoạt động tài chính (*)	-	184.807.481	184.807.481
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp (**)	(15.565.811.900)	15.565.811.900	-
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	-	(15.565.811.900)	(15.565.811.900)
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (**)	4.607.653.719	(4.607.653.719)	-
Kết quả hoạt động kinh doanh (*)	-	4.607.653.719	4.607.653.719
7. Thu nhập khác (**)	18.028	(18.028)	-
8. Chi phí khác (**)	(3.090.929)	3.090.929	-
Thu nhập khác và chi phí khác (*)	-	(3.072.901)	(3.072.901)
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	4.604.580.818	-	4.604.580.818

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo thu nhập toàn diện theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

(**) Các chỉ tiêu của Báo cáo thu nhập toàn diện không còn được trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

c) Trích từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm (số liệu đã trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Số dư đầu năm (trình bày lại) VND
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	121.403.503.655	(38.425.579.889)	82.977.923.766
Tiền	7.509.500	-	7.509.500
Các khoản tương đương tiền	121.395.994.155	(38.425.579.889)	82.970.414.266
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	96.541.755.827	(57.913.871.911)	38.627.883.916
Tiền	627.883.916	-	627.883.916
Các khoản tương đương tiền	95.913.871.911	(57.913.871.911)	38.000.000.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

c) Trích từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm (số liệu đã trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Số dư đầu năm (trình bày lại) VND
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	-	38.425.579.888	38.425.579.888
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	-	38.425.579.888	38.425.579.888
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	-	28.676.046.888	28.676.046.888
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	9.749.533.000	9.749.533.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách	-	77.006.368.263	77.006.368.263
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	-	77.006.368.263	77.006.368.263
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	-	69.423.925.263	69.423.925.263
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	7.582.443.000	7.582.443.000

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của Công ty sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

Người lập bảng:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Hồng Quyền
Kế toán viên



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán Trưởng



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Số/No.: ~~508~~/2017/CV-MASHCM
V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
Ref: Explanation on the difference of PAT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TPHCM, ngày 24 tháng 03 năm 2017
HCMC, 24 March 2017

Kính gửi/To:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước- SSC
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội – HNX
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh-HOSE
- Ủy Ban Giám Sát Tài Chính Quốc Gia-NSFC

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC (“TT155”) ngày 06/10/2015 hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“**Công ty**”) xin giải trình như sau:

According to Clause 4 Article 11 of Circular 155/2015/TT-BTC (“Circular 155”) dated 06 October 2015 on providing guidelines for information disclosure on securities market, Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company (“**Company**”) hereby explains as follows:



1. Đối với điểm a, Khoản 4, Điều 11 của TT155:

Công ty xin giải trình về chênh lệch số liệu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của báo cáo đã kiểm toán năm 2016 so với báo cáo kiểm toán năm 2015 như sau:

The Company provide explanation for the difference of profit after corporate income tax as mentioned in audited report for the year ended 31 Dec 2016 compared with the profit after tax as disclosed in the same period of the last year as below:

Chỉ tiêu/ Description	Y2016	Y2015	Chênh lệch/Difference
Doanh thu hoạt động/ Revenue	68.792.463.211	36.465.514.904	89%
Chi phí/ expenses	47.931.799.529	36.000.934.086	33%
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	20.141.924.473	4.604.580.818	337%
Thuế TNDN giữ lại/ Deffered Tax Income	718.739.209	0	
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	20.860.663.682	4.604.580.818	353%

Nguyên nhân chủ yếu là do:
The main reasons is due to:

- Việc tăng vốn chủ sở hữu trong quý trong tháng 5.2016 doanh thu từ lãi tiền gửi tăng cùng với việc tăng thị phần môi giới trong 6 tháng cuối năm 2016 dẫn đến doanh thu từ hoạt động môi giới tăng 101% so với cùng kỳ năm ngoái.

Supplementation of charter capital on May 2016 and development of our business in the 2nd half of Y2016; thus revenue from brokerage service increases 101% and gain from HTM investments increase significantly

- Doanh thu từ hoạt động ký quỹ tăng 272% so với cùng kỳ năm ngoái và tăng doanh thu từ hoạt động tư

Revenue from margin service increases 272% compared with the same period of last year and increasing revenue from advisory services

2. Đối với điểm c, Khoản 4, Điều 11 của TT155:

Chênh lệch lợi nhuận sau kiểm toán của báo cáo năm 2016 tăng 3.5% so với báo cáo quý IV.2016 là do điều chỉnh thêm bút toán ghi nhận chi phí thuế TNDN giữ lại và tài sản thuế TNDN giữ lại từ việc chuyển lỗ từ các năm trước theo quy định.

The profit after tax in the income statement of the year ended 31 Dec 2016 decrease 3.5% compare with in the income statement of finance statement QIV.2016 due to adjust deferred tax expense and deferred tax income from loss carry forward of previous period regarding to tax regulations.

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) xin báo cáo để Quý cơ quan được biết.

Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company informs for your information.

Trân trọng,
Yours faithfully,



**Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chứng Khoán
Mirae Asset (Việt Nam)**



Kang Moon Kyung

Tổng Giám đốc/General Director